VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu

Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015; được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 74/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu[1].

---

[1] Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu".

Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN, MỨC ĐÓNG, TRÁCH NHIỆM ĐÓNG, PHƯƠNG THỨC ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[2]

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 (sau đây gọi chung là Luật Bảo hiểm y tế) đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 3 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế, bao gồm các nội dung: Mức đóng, trách nhiệm đóng và phương thức đóng bảo hiểm y tế; thẻ bảo hiểm y tế; phạm vi được hưởng, mức hưởng bảo hiểm y tế, thanh toán chi phí vận chuyển người bệnh trong trường hợp đang điều trị nội trú hoặc cấp cứu phải chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; quản lý, sử dụng phần kinh phí dành cho khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; giám định bảo hiểm y tế; thanh toán, quyết toán bảo hiểm y tế; việc thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng theo quy định tại điểm c khoản 4 của Điều 31 của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Quỹ bảo hiểm y tế bảo đảm khám bệnh, chữa bệnh thường xuyên đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi được hưởng của quỹ bảo hiểm y tế ở khu vực biển đảo xa bờ.

Các nhiệm vụ khác về quân y, y tế của quân đội, công an, cơ yếu thực hiện theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu.

3. Việc bảo đảm y tế cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp và thời chiến đối với quân đội, công an, cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng[3]

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

1. Người tham gia bảo hiểm y tế thuộc Bộ Quốc phòng quản lý gồm:

a) Sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp đang tại ngũ;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân đang tại ngũ, học viên quân đội hưởng sinh hoạt phí là người Việt Nam;

c) Học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

d) Học viên quân đội hưởng sinh hoạt phí là người nước ngoài.

2. Người tham gia bảo hiểm y tế thuộc Bộ Công an quản lý gồm:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân;

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân;

c) Học viên công an nhân dân hưởng sinh hoạt phí là người Việt Nam;

d) Học viên công an hưởng sinh hoạt phí là người nước ngoài.

3. Người làm công tác cơ yếu tham gia bảo hiểm y tế gồm:

a) Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đang công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người Việt Nam;

c) Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đang công tác tại tổ chức cơ yếu thuộc các Bộ, ngành, địa phương trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

d) Học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người nước ngoài.

4. Dân quân thường trực.

5. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ; cơ quan, tổ chức có liên quan đến thực hiện bảo hiểm y tế đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu và Nhân dân quy định tại điểm c khoản 4 Điều 31 của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 3.[4] (*được bãi bỏ*)

Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[4] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

Điều 4. Mức đóng bảo hiểm y tế

1.[5] Mức đóng bảo hiểm y tế hằng tháng được xác định theo tỷ lệ phần trăm của tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc mức tham chiếu theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, cụ thể:

a) Bằng 4,5% tiền lương tháng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

b) Bằng 4,5% mức tham chiếu đối với đối tượng quy định tại các điểm b, c và d khoản 1, các điểm b, c và d khoản 2, điểm b và d khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định này;

c) Bằng 4,5% mức tham chiếu đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này khi nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng hoặc khi nghỉ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng cơ quan có liên quan trình Chính phủ điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế phù hợp.

Điều 5. Trách nhiệm đóng, phương thức đóng bảo hiểm y tế[6]

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này theo phân cấp ngân sách hiện hành. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan, đơn vị ở địa phương xây dựng dự toán kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quản lý quy định tại Điều 2 Nghị định này, tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà

Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

nước của đơn vị gửi về cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

3. Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số tiền đóng bảo hiểm y tế theo trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định này gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đảm bảo kinh phí đóng bảo hiểm y tế.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán số thu, nộp bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và pháp luật có liên quan:

a) Trước ngày cuối cùng của tháng đầu mỗi quý, các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng theo phân cấp thực hiện đóng bảo hiểm y tế quý trước theo mức đóng quy định về Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội có trách nhiệm báo cáo quyết toán phần thu, nộp bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại khoản 1 và các điểm a, b và d khoản 3 Điều 2 Nghị định này, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm báo cáo quyết toán phần thu, nộp bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này; Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo quyết toán phần thu, nộp bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định này với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5. Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c của các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này được cử đi học tập hoặc công tác tại nước ngoài thì không phải đóng bảo hiểm y tế; thời gian đó được tính là thời gian tham gia bảo hiểm y tế cho đến ngày có quyết định trở lại của cơ quan, tổ chức cử đi.

Chương II
THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 6. Thẻ bảo hiểm y tế

1. Mẫu thẻ, phôi thẻ bảo hiểm y tế được thực hiện như sau:

a) Mẫu thẻ bảo hiểm y tế của các đối tượng quy định các khoản 1, 2, 3 và 4[7] Điều 2 Nghị định này là mẫu riêng, do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định sau khi đã thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế;

---

[7] Cụm từ "khoản 1 và 2, các điểm a và b khoản 3" được thay thế bằng cụm từ "khoản 1, 2, 3 và 4" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Phôi thẻ bảo hiểm y tế của các đối tượng quy định tại khoản 1, các điểm a, b và d khoản 3[8] Điều 2 Nghị định này do Bảo hiểm xã hội Quân đội[9] phát hành và quản lý; của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này do Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[10] phát hành và quản lý;

c).[11] Mẫu thẻ và phôi thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này do Bảo hiểm xã hội Việt Nam phát hành và quản lý.

2.[12] Thẻ bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Quân đội; Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân phát hành có giá trị sử dụng tối đa không quá 60 tháng cụ thể như sau:

a) Đối tượng tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này tham gia bảo hiểm y tế lần đầu, thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng kể từ ngày thuộc đối tượng đóng bảo hiểm y tế.

Khi đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này thôi

---

[8] Cụm từ "điểm a và b khoản 3" được thay thế bằng cụm từ "điểm a, b và d khoản 3" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

[9] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[10] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

phục vụ trong Quân đội, Công an, Cơ yếu hoặc chuyển sang đối tượng khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng đến ngày cuối cùng của tháng thôi phục vụ, chuyển đối tượng và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Trường hợp được cấp có thẩm quyền kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ hoặc được cử đi đào tạo thì thời hạn thẻ có giá trị sử dụng được nối tiếp với ngày hết hạn sử dụng thẻ lần trước đến hết thời hạn được kéo dài hoặc đi đào tạo;

b) Thẻ bảo hiểm y tế của học viên quân đội, học viên công an, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người Việt Nam có giá trị từ ngày nhập học đến ngày 31 tháng 12 của năm tốt nghiệp các trường quân đội, công an, cơ yếu;

c) Thẻ bảo hiểm y tế của học viên quân đội, học viên công an, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người nước ngoài có giá trị từ ngày thuộc đối tượng đóng bảo hiểm y tế đến hết thời gian học tập, công tác tại các nhà trường, cơ quan, đơn vị quân đội, công an, cơ yếu.

Điều 7. Cấp thẻ bảo hiểm y tế[13]

1. Thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này do Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân hoặc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp theo đối tượng quản lý. Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người tham gia bằng bản giấy, bản điện tử và có giá trị pháp lý như nhau.

Thời điểm cấp thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

2. Hồ sơ, thời hạn cấp thẻ bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Bảo hiểm y tế và quy định của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế trong Bộ Quốc phòng:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, đơn vị được phân cấp quản lý phải hoàn thành việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, đơn vị được phân cấp quản lý phải hướng dẫn đối tượng kê khai tờ khai tham gia bảo hiểm y tế kiểm tra tính hợp pháp và độ chính xác, tổng hợp,

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

lập danh sách các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế của đơn vị mình kèm theo dữ liệu điện tử, tờ khai và có văn bản đề nghị gửi đến cơ quan nhân sự đơn vị cấp trung đoàn và tương đương. Trường hợp tờ khai không hợp lệ, đơn vị quản lý trực tiếp hướng dẫn đối tượng hoàn thiện tờ khai theo quy định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của đơn vị quản lý trực tiếp, đơn vị cấp trung đoàn và tương đương có văn bản, danh sách đề nghị kèm theo dữ liệu điện tử gửi đến cơ quan nhân sự đơn vị cấp sư đoàn và tương đương.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị cấp trung đoàn và tương đương kèm theo danh sách các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và tờ khai hợp lệ của đối tượng, đơn vị cấp sư đoàn và tương đương tổng hợp danh sách báo cáo cơ quan nhân sự đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng để quản lý, đồng thời, gửi văn bản đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế kèm theo danh sách và tệp dữ liệu điện tử gửi Bảo hiểm xã hội Quân đội.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bảo hiểm xã hội Quân đội phải cấp thẻ bảo hiểm y tế và chuyển về đơn vị cho người tham gia bảo hiểm y tế; trường hợp không cấp thẻ, Bảo hiểm xã hội Quân đội phải có văn bản trả lời đơn vị và nêu rõ lý do;

b) Hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế được gửi trực tiếp hoặc qua đường quân bưu hoặc qua đường truyền dữ liệu quân sự đến Bảo hiểm xã hội Quân đội;

c) Cấp thẻ bảo hiểm y tế trong trường hợp chuyển đổi từ đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc nhóm khác sang đối tượng quy định tại khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này, thực hiện như sau: Ngay sau khi tiếp nhận, đơn vị hướng dẫn kê khai, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế, báo cáo đơn vị cấp sư đoàn và tương đương để tổng hợp, chuyển về Bảo hiểm xã hội Quân đội kèm theo thẻ bảo hiểm y tế cũ (nếu có) để thu hồi. Thẻ bảo hiểm y tế mới có thời hạn sử dụng từ ngày quyết định tuyển dụng, tuyển chọn, phong quân hàm điều động của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành;

d) Cấp thẻ bảo hiểm y tế từ lần thứ hai trở đi, thực hiện như sau: Trước 30 ngày, tính đến thời điểm thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng hết hạn sử dụng, đơn vị cấp sư đoàn và tương đương có trách nhiệm gửi văn bản đến Bảo hiểm xã hội Quân đội đề nghị gia hạn và in thẻ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bảo hiểm xã hội Quân đội thực hiện in thẻ và danh sách cấp thẻ gửi về cho đơn vị, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

đ) Định kỳ 6 tháng, một năm các cơ quan, đơn vị tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cấp, quản lý sử dụng thẻ bảo hiểm y tế theo trình tự đến Bảo hiểm xã hội Quân đội.

4. Trình tự, thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế trong Bộ Công an:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, đơn vị quản lý trực tiếp hướng dẫn đối tượng kê khai tờ khai tham gia bảo hiểm y tế lần đầu, gửi cơ quan tổ chức cán bộ của công an cấp tỉnh hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Công an để tập hợp, lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế gửi Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân kèm theo dữ liệu điện tử và văn bản đề nghị. Trường hợp đơn vị quản lý trực tiếp được phân cấp thì lập danh sách gửi Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân kèm theo dữ liệu điện tử và văn bản đề nghị;

b) Cấp thẻ bảo hiểm y tế từ lần thứ hai trở đi, thực hiện như sau: Trước 30 ngày tính đến thời điểm thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng hết hạn sử dụng, đơn vị quản lý trực tiếp có trách nhiệm rà soát, cập nhật thông tin và thực hiện theo nội dung quy định tại điểm a khoản này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế và gửi đến đơn vị đề nghị để cấp cho đối tượng, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế được gửi trực tiếp hoặc qua đường giao liên hoặc kênh truyền điện tử nội bộ đến Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;

đ) Ngay sau khi tiếp nhận đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc nhóm khác chuyển đổi sang đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, đơn vị quản lý trực tiếp hướng dẫn kê khai, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế và thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này kèm theo thẻ bảo hiểm y tế cũ (nếu có) để thu hồi và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế mới. Thẻ bảo hiểm y tế mới có thời hạn sử dụng từ ngày quyết định tuyển dụng, điều động của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định này theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế

1. Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế trong trường hợp mất thẻ và được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung.

2.[14] Việc đổi thẻ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Bảo hiểm y tế.

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế được điều động đến làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn hoặc xã đảo, huyện đảo và ngược lại được đổi thẻ bảo hiểm y tế.

3.[15] Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế

Khi đối tượng có nhu cầu cấp lại hoặc đổi thẻ bảo hiểm y tế, đơn vị được phân cấp quản lý có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng làm đơn đề nghị, đồng thời lập danh sách kèm theo dữ liệu điện tử và văn bản đề nghị gửi cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trình tự thực hiện cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định này. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế; trường hợp không cấp lại, đổi thẻ, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời gian chờ cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế, đối tượng tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định này và được hưởng đầy đủ quyền lợi về bảo hiểm y tế.

Điều 9.[16] Quản lý, thu hồi, tạm giữ thẻ bảo hiểm y tế

1. Thẻ bảo hiểm y tế của các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4[17] Điều 2 Nghị định này bị thu hồi trong trường hợp:

a) Thôi phục vụ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, tổ chức cơ yếu;

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[16] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[17] Cụm từ "các khoản 1, 2, 3 và 4" được bổ sung vào trước cụm từ "Điều 2 Nghị định này" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Chuyển sang chế độ phục vụ khác không phải là quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu;

c) Thẻ bảo hiểm y tế cấp trùng số, trùng đối tượng;

d) Thẻ bảo hiểm y tế cấp không đúng đối tượng là quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu.

2. Đơn vị quản lý đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm thu hồi thẻ bảo hiểm y tế trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này, báo cáo với cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi cấp thẻ để giảm trừ tiền đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng đó.

3. Thẻ bảo hiểm y tế của các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này bị tạm giữ trong trường hợp người khác sử dụng đi khám bệnh, chữa bệnh.

Người được giao quản lý thẻ hoặc người có thẻ bảo hiểm y tế cho người khác mượn thẻ phải chịu hình thức kỷ luật của Quân đội, Công an, Cơ yếu và phải bồi hoàn toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).

4.[18] Quản lý thẻ bảo hiểm y tế:

a) Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này, thực hiện như sau: Cơ quan quân y lập sổ đăng ký, theo dõi đối tượng đi khám bệnh, chữa bệnh theo quy định;

b) Các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 2 Nghị định này trừ đối tượng được cử đi học tại các trường ngoài quân đội, thực hiện như sau: Cơ quan quân y đơn vị quản lý; nếu đơn vị không có quân y, thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp quy định người quản lý thẻ, khi có nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, đơn vị quản lý giao thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng sử dụng. Kết thúc đợt khám bệnh, chữa bệnh, đối tượng có trách nhiệm báo cáo kết quả khám bệnh, chữa bệnh và nộp lại thẻ bảo hiểm y tế cho đơn vị để quản lý;

c) Đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này thực hiện theo quy định của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bảo hiểm xã hội địa phương về quản lý thẻ bảo hiểm y tế.

---

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương III
PHẠM VI, MỨC HƯỞNG BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 10. Phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế

1.[19] Phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm y tế.

2.[20] Ngoài phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế quy định tại khoản 1 Điều này, đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này còn được chi trả các chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế bao gồm: Thuốc, hóa chất, thiết bị y tế được cấp phép lưu hành tại Việt Nam và các dịch vụ kỹ thuật y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chỉ định của chuyên môn và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm y tế.

3. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 2 Điều này được chi trả từ nguồn kinh phí bảo hiểm y tế dành cho khám bệnh, chữa bệnh của các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4[21] Điều 2 Nghị định này; trường hợp nguồn kinh phí này không đủ thì do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 11. Mức hưởng bảo hiểm y tế[22]

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[21] Cụm từ "các khoản 1, 2, 3 và 4" được bổ sung vào trước cụm từ "Điều 2 Nghị định này" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[22] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quy định tại Điều 10 Nghị định này và không áp dụng tỷ lệ, mức thanh toán theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau:

a) Khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Luật Bảo hiểm y tế;

b) Khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế;

c) Khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu; khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản;

d) Khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu mà trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện; khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu mà trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh;

đ) Trường hợp đi công tác, học tập, nghỉ phép được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuận tiện, phù hợp với nơi công tác, học tập, nghỉ phép.

2. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này thuộc diện quản lý của Trung ương hoặc của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc của tỉnh, thành phố thì ngoài quyền lợi về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, còn được thực hiện theo quy định của Trung ương hoặc của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng cơ sở đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và quy định về chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo phạm vi được hưởng quy định tại Điều 10 Nghị định này và không áp dụng tỷ lệ, mức thanh toán đối với một số thuốc, hóa chất, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật y tế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm y tế, với mức hưởng như sau:

a) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu đối với trường hợp chẩn đoán xác định, điều trị một số bệnh hiếm, bệnh hiểm nghèo, bệnh cần phẫu thuật hoặc sử dụng kỹ thuật cao

theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản đạt số điểm dưới 50 điểm hoặc chưa được chấm điểm, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trừ trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản quy định tại điểm d khoản này;

c) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản đạt số điểm từ 50 điểm đến dưới 70 điểm, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

d) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản mà trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh hoặc tuyến trung ương hoặc tương đương tuyến tỉnh hoặc tuyến trung ương, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu mà trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh hoặc tương đương tuyến tỉnh theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

e) 40% chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, trừ trường hợp quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều này và điểm a khoản này;

g) Phần còn lại của chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có) do người bệnh tự thanh toán với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Đối với trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu:

a) Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Bảo hiểm y tế và mức hưởng theo quy định tại Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế. Phần chênh lệch giữa giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu với mức thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế do người bệnh tự thanh toán với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm bảo đảm về nhân lực, điều kiện chuyên môn, thiết bị y tế, khả năng cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo đúng hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đã ký với cơ quan bảo hiểm xã hội và công khai những khoản chi phí mà người bệnh phải chi

trả ngoài phạm vi được hưởng, mức hưởng bảo hiểm y tế, phần chi phí chênh lệch và phải thông báo trước cho người bệnh.

5. Chi phí vận chuyển

a) Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí vận chuyển cho đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này trong trường hợp đang điều trị nội trú hoặc cấp cứu phải chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo chỉ định chuyên môn hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ;

b) Mức thanh toán chi phí vận chuyển đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 và Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

c) Việc vận chuyển đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này bị thương, bị bệnh tại các vùng biển đảo, vùng sâu, vùng xa bằng máy bay quân sự được thanh toán từ ngân sách nhà nước và thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế

1. Các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Trường hợp đặc thù do hoạt động, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV

TỔ CHỨC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 13.[23] (*được bãi bỏ*)

Điều 14.[24] (*được bãi bỏ*)

---

[23] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 15. Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung.

2.[25] Trường hợp đi công tác, học tập, nghỉ phép, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này người bệnh phải xuất trình văn bản cử đi công tác hoặc thông báo nhập học hoặc giấy nghỉ phép hoặc giấy giới thiệu của thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn trở lên, chậm nhất là trước khi ra viện.

3. Trường hợp làm nhiệm vụ đột xuất hoặc hành quân dã ngoại, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, người bệnh phải xuất trình thêm giấy giới thiệu của đơn vị quản lý, chậm nhất là trước khi ra viện.

4. Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế thuộc đối tượng khác được tuyển chọn vào Quân đội, Công an, tổ chức cơ yếu thuộc các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4[26] Điều 2 Nghị định này, trong thời gian chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế mà đi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy tờ chứng minh về nhân thân có ảnh và lệnh gọi nhập ngũ, hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Trường hợp đang trong thời gian chờ cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế thì phải xuất trình giấy giới thiệu của đơn vị có ghi rõ mã thẻ bảo hiểm y tế hoặc giấy xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội nơi phát hành thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 16. Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung.

---

[24] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[26] Cụm từ "các khoản 1, 2, 3 và 4" được bổ sung vào trước cụm từ "Điều 2 Nghị định này" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bảo hiểm xã hội Quân đội[27], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[28], Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[29], "*được bãi bỏ*"[30] có trách nhiệm ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, các Bộ, ngành, địa phương trên địa bàn để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

3. Thủ tục, hồ sơ ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

a) Người đứng đầu Bảo hiểm xã hội Quân đội[31], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[32], Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[33], "*được bãi*

---

[27] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[28] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[29] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[30] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[31] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

bỏ"[34] ký hợp đồng trực tiếp với Giám đốc bệnh viện, hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để tổ chức thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong đơn vị;

b) Hồ sơ ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, gồm: Giấy phép hoạt động của cơ sở y tế; quyết định phân hạng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) và văn bản đề nghị của đơn vị tham gia ký hợp đồng.

4.[35] Cơ quan có thẩm quyền xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý có trách nhiệm công khai danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật kèm theo số điểm trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

5.[36] Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm công khai kết quả xếp cấp chuyên môn kỹ thuật kèm theo số điểm trên trang thông tin điện tử của cơ sở và tại nơi đón tiếp người bệnh.

---

[32] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[33] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[34] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

[35] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[36] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

Điều 17. Giám định bảo hiểm y tế

1. Giám định bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung.

2.[37] Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tổ chức giám định bảo hiểm y tế đối với người tham gia bảo hiểm y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và gửi kết quả giám định đối với các đối tượng không thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý về Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3.[38] Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giám định bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và báo cáo kết quả giám định về Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4.[39] (*được bãi bỏ*).

Điều 18. Phương thức thanh toán, tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1.[40] Phương thức thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[39] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

a) Bảo hiểm xã hội Quân đội[41], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[42] thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng do Bảo hiểm xã hội Quân đội[43], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[44] cấp thẻ bảo hiểm y tế khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội Quân đội[45], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[46];

---

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[41] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[42] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[43] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[44] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[45] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015

b) Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[47] "*được bãi bỏ*"[48] thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này và các đối tượng do Bảo hiểm xã hội Quân đội[49], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[50] cấp thẻ bảo hiểm y tế khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[51], "*được bãi bỏ*"[52] và thực hiện thanh toán đa tuyến với Bảo hiểm xã hội Quân đội[53], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[54].

---

của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[46] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[47] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[48] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[49] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[50] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[51] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi,

3. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định cụ thể sau:

a) Bảo hiểm xã hội Quân đội[55], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[56] thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Quân

---

bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[52] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[53] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[54] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[55] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[56] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

đội[57], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[58] ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

b) Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[59], "*được bãi bỏ*"[60] thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[61] "*được bãi bỏ*"[62] ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

---

[57] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[58] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[59] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[60] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[61] Cụm từ "thành phố trực thuộc Trung ương" được bổ sung vào sau cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[62] Cụm từ "Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội

c)[63] Hằng quý, căn cứ vào báo cáo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế quý trước của các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạm ứng kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.[64] Quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam

a) Hằng năm, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và báo cáo quyết toán với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

b) Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tổng hợp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam số liệu quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và điểm a, b, d khoản 3 Điều 2 Nghị định này khi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân; chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đa tuyến và chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thanh toán trực tiếp; chi phí chăm sóc sức khỏe ban đầu tại quân y đơn vị, y tế cơ quan và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

---

nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[63] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[64] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 19. Thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1.[65] Các trường hợp thanh toán trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Bảo hiểm y tế và quy định của Chính phủ hoặc chưa được thanh toán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

2. Hồ sơ thanh toán trực tiếp:

a) Giấy đề nghị thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của người bệnh;

b) Các giấy tờ quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Giấy ra viện hoặc đơn thuốc hoặc sổ khám bệnh;

d) Bản chính các chứng từ hợp lệ (hóa đơn mua thuốc, hóa đơn thu viện phí và các chứng từ có liên quan).

3. Quy trình, thời gian thanh toán trực tiếp:

a) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho đơn vị quản lý để chuyển đến, hoặc trực tiếp chuyển đến cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cấp thẻ bảo hiểm y tế;

b) Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán trực tiếp, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cấp thẻ bảo hiểm y tế phải hoàn thành việc giám định bảo hiểm y tế và thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu.

4.[66] Mức thanh toán trực tiếp

a) Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Luật Bảo hiểm y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Thanh toán theo phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này;

---

[65] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[66] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Trường hợp người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trừ trường hợp cấp cứu thực hiện theo quy định của Chính phủ.

5. Trách nhiệm thanh toán: Cơ quan bảo hiểm xã hội nào phát hành thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này thì có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho đối tượng đó.

6.[67] Trường hợp người bệnh là các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý quy định tại Điều 2 Nghị định này điều trị nội trú ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, được đảm bảo tiền ăn bệnh lý chênh lệch so với tiền ăn cơ bản bộ binh hoặc tiền ăn cơ bản theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu. Cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng thanh toán trực tiếp cho người bệnh theo số ngày điều trị thực tế được xác nhận tại giấy ra viện.

Điều 19a. Khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở khu vực biên giới, biển đảo, thôn, xã đặc biệt khó khăn[68]

1. Thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã ký hợp đồng bảo hiểm y tế ở khu vực biên giới, biển đảo, thôn, xã đặc biệt khó khăn thực hiện theo các quy định của Luật Bảo hiểm y tế và Điều 18, Điều 19 Nghị định này.

2. Thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không ký hợp đồng bảo hiểm y tế ở khu vực biên giới, biển đảo gần bờ, thôn, xã đặc biệt khó khăn:

---

[67] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[68] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại biên giới, thôn, xã đặc biệt khó khăn, biển đảo gần bờ có trách nhiệm thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

b) Cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh, chi phí vận chuyển theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và Điều 18, Điều 19 Nghị định này. Việc chuyển người bệnh thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không ký hợp đồng bảo hiểm y tế ở khu vực biển đảo xa bờ:

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng, địa phương tại khu vực biển, đảo xa bờ có trách nhiệm khám bệnh, chữa bệnh đối với lực lượng vũ trang và Nhân dân lao động, học tập, sinh sống tại khu vực này;

b) Kinh phí bảo đảm khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân, Nhân dân đang lao động, học tập, sinh sống tại khu vực biển đảo xa bờ được trích từ nguồn thu khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của các đối tượng này. Mức trích kinh phí bảo đảm khám bệnh, chữa bệnh hằng năm bằng 92% số thu bảo hiểm y tế của quân nhân, Nhân dân đang lao động, học tập, sinh sống tại khu vực biển đảo xa bờ có tham gia bảo hiểm y tế. Trường hợp kinh phí được trích không đủ để bảo đảm khám bệnh, chữa bệnh thì ngân sách nhà nước bảo đảm số kinh phí còn thiếu;

c) Hằng năm, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập dự toán thu bảo hiểm y tế, trích kinh phí từ nguồn thu bảo hiểm y tế của Nhân dân đang lao động, học tập, sinh sống tại khu vực biển đảo xa bờ theo quy định tại điểm b khoản này gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chuyển kinh phí cho Bộ Quốc phòng;

d) Bộ Quốc phòng sử dụng kinh phí khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân, Nhân dân theo quy định tại điểm b khoản này, để mua thuốc, thiết bị y tế và cấp cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại khu vực biển đảo xa bờ; tổng hợp, quyết toán số tiền trích chuyển vào quỹ khám bệnh, chữa bệnh. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định nội dung chi, mức chi, cơ chế sử dụng, thanh quyết toán đối với thuốc, thiết bị y tế cấp cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại khu vực biển đảo xa bờ;

đ) Chi phí vận chuyển người bệnh từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại khu vực biển đảo xa bờ về đất liền quy định tại điểm c khoản 5 Điều 11 Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Chương V
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU BẢO HIỂM Y TẾ CỦA QUÂN NHÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU

Điều 20. Phân bổ và quản lý nguồn thu bảo hiểm y tế[69]

1. Tổng số thu bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý được phân bổ và quản lý như sau:

a) 92% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi là quỹ khám bệnh, chữa bệnh) và giao Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân quản lý, sử dụng;

b) 08% số tiền đóng bảo hiểm y tế chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam để dành cho quỹ dự phòng, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế, trong đó dành tối thiểu 04% số tiền đóng bảo hiểm y tế cho quỹ dự phòng.

2. Phân bổ, quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định này do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp thẻ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 và Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. Tỷ lệ trích chuyển để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ quan, đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

3. Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân được mở tài khoản tiền gửi các khoản thu, chi bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Điều 21. Sử dụng quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1.[70] Quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định này được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí khám

---

[69] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[70] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu có thẻ bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân cấp, bao gồm:

a) Trích 12% tổng số thu bảo hiểm y tế để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại quân y đơn vị, y tế cơ quan và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Nội dung chi bao gồm: Mua thuốc, thiết bị y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho các đối tượng khi bị tai nạn thương tích hoặc các trường hợp bệnh thông thường; chi trả phí dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại quân y đơn vị, y tế cơ quan và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; mua sắm, sửa chữa thiết bị y tế, thiết bị văn phòng; phần mềm quản lý và bảo đảm an toàn thông tin phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Hằng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để phân cấp đến các cơ quan, đơn vị thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại quân y đơn vị, y tế cơ quan, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và tổ chức thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định. Kinh phí chưa sử dụng được chuyển nguồn sang năm sau;

b) Phần còn lại sử dụng để thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chi phí vận chuyển.

2. Trường hợp quỹ khám bệnh, chữa bệnh của Bảo hiểm xã hội Quân đội[71], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[72]l ớn hơn số chi khám bệnh, chữa bệnh và chi phí vận chuyển trong năm, bao gồm các chi phí trong phạm vi, mức hưởng quy định tại các Điều 10 và 11 Nghị định này, sau khi được Bảo hiểm xã hội Việt Nam thẩm định quyết toán, phần kinh phí chưa dùng hết được sử dụng như sau:

---

[71] Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025,

[72] Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, được giữ toàn bộ tại Bảo hiểm xã hội Quân đội[73], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[74] sử dụng, điều tiết chung trong các cơ sở y tế thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh; mua thiết bị y tế[75] phù hợp với năng lực, trình độ của cán bộ y tế; mua phương tiện vận chuyển người bệnh ở đơn vị cơ sở;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, 70% được giữ lại tại Bảo hiểm xã hội Quân đội[76], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[77] sử dụng, Điều tiết chung trong các cơ sở y tế thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để hỗ trợ thực hiện các nội dung như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; 30% chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam hạch toán vào Quỹ dự phòng để điều tiết chung.

---

[73] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[74] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[75] Cụm từ "trang thiết bị y tế" được thay thế bằng cụm từ "thiết bị y tế" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[76] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[77] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Trường hợp quỹ khám bệnh, chữa bệnh của Bảo hiểm xã hội Quân đội[78], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[79] nhỏ hơn số chi khám bệnh, chữa bệnh trong năm, bao gồm các chi phí trong phạm vi, mức hưởng quy định tại các Điều 10 và 11 Nghị định này, sau khi Bảo hiểm xã hội Việt Nam thẩm định quyết toán, được thực hiện như sau:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm sử dụng quỹ dự phòng để bổ sung phần kinh phí còn thiếu của chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi mức hưởng thanh toán bảo hiểm y tế quy định tại khoản 1 Điều 10 và Điều 11 Nghị định này;

b) Trường hợp quỹ dự phòng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam không đủ để bổ sung, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thống nhất với Bảo hiểm xã hội Quân đội[80], hoặc Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[81], tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam phương án giải quyết;

c) Số chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế mà do ngân sách nhà nước bảo đảm thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ cấp bổ sung.

---

[78] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[79] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[80] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[81] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 22. Kinh phí quản lý bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an

1. Kinh phí quản lý bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Quân đội[82], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[83] do Bảo hiểm xã hội Việt Nam bảo đảm.

2.[84] Nội dung chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 23. Lập dự toán, quyết toán thu, chi quỹ bảo hiểm y tế

1. Hằng năm, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao Bảo hiểm xã hội Quân đội[85], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[86] lập dự toán thu, chi

---

[82] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[83] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[84] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[85] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[86] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

quỹ bảo hiểm y tế, chi phí quản lý quỹ bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quản lý, báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội[87], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[88] báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định giao dự toán thu, chi bảo hiểm y tế cho các đơn vị thực hiện.

3. Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội[89], Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân[90] quyết toán thu, chi bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quản lý đối với các đơn vị, các cơ sở y tế khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và báo cáo quyết toán thu, chi bảo hiểm y tế đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[91]

---

[87] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[88] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[89] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[90] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" được thay thế bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[91] Điều 3, 4 và Điều 5 Nghị định số 74/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này, trong thời gian chưa tham gia bảo hiểm y tế theo lộ trình quy định tại Điều 3 Nghị định này vẫn được khám bệnh, chữa bệnh thường xuyên và được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định hiện hành.

"Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy hẹn khám lại, Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cấp, cấp lại và đổi thẻ bảo hiểm y tế được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 mà còn hiệu lực sau ngày 01 tháng 01 năm 2025 được tiếp tục sử dụng cho đến khi các loại giấy này hết giá trị sử dụng.

2. Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được ký trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà còn hiệu lực sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Các điều, khoản sau đây có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025:

a) Các khoản 1, 11 và 12 Điều 1, Điều 2, khoản 1 Điều 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị định này;

b) Các khoản 9 và 10 Điều 1 Nghị định này trừ mức hưởng, phạm vi hưởng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

3. Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 và Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ như sau:

"a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản đạt số điểm dưới 50 điểm hoặc được tạm xếp cấp cơ bản, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% mức hưởng trừ trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản quy định tại điểm c khoản này;".

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này".

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hóa chất, vật tư y tế dùng tại đơn vị; các chi phí cho giường bệnh quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 123/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2003 quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ; Nghị định số 65/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2003 quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ; Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2013 về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu, sẽ được điều chỉnh tương ứng với lộ trình quy định tại Điều 3 Nghị định này và thực tiễn tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Điều 25. Điều khoản áp dụng

Việc quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện nhiệm vụ đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Điều 27. Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành những điều, khoản được giao trong Nghị định này về phần thực hiện bảo hiểm y tế đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành những điều, khoản được giao trong Nghị định này về phần thực hiện bảo hiểm y tế đối với công an nhân dân.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm củng cố, kiện toàn tổ chức bảo hiểm y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để đáp ứng việc thực hiện bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này; chỉ đạo việc kết nối liên thông hệ thống dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của Bộ Quốc phòng, Bộ

Công an với hệ thống dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh của ngành Y tế và ngành Bảo hiểm xã hội, đảm bảo yêu cầu đặc thù nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn triển khai thực hiện bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 14/VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn